

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2019/DS-ST

Ngày: 22-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Khánh

2. Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Đức Q (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền số 169/2019/UQ-VPB ngày 22/01/2019); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1961; địa chỉ: Số 477 đường Ph, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 2 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Đức Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị V có ký 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V gồm: Hợp đồng tín dụng số 8507215 giải ngân ngày 03/8/2016; hợp đồng tín dụng số 13044885 giải ngân ngày 14/4/2017 và hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 239P343719, giải ngân ngày 09/6/2017, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 8507215 giải ngân ngày 03/8/2016 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay sử dụng vốn: vay vốn tiêu dùng, lãi suất vay 24%/ năm.

- Hợp đồng tín dụng số 13044885, giải ngân ngày 14/4/2017 vay số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sử dụng vốn: vay vốn tiêu dùng, lãi suất vay 23,55 %/ năm.

- Hợp đồng thẻ tín dụng Quốc tế số 239P343719, giải ngân 09/6/2017 vay số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay sử dụng vốn: vay vốn tiêu dùng, lãi suất vay 38 %/ năm.

Theo thỏa thuận tại các hợp đồng, bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền bao gồm:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 8507215 trả số tiền 200.000.000đ (Hai nghìn đồng) bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong 60 tháng, thanh toán vào ngày 03 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 03/8/2016.

+ Hợp đồng tín dụng số 13044885 trả số tiền 53.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong 60 tháng, thanh toán vào ngày 03 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 03/5/2017.

+ Hợp đồng thẻ tín dụng Quốc tế số 239P343719 số tiền 29.000.000đ, thanh toán tự động các khoản nợ trên thẻ tín dụng, đáo hạn mỗi tháng.

Thực hiện các hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền ở 3 hợp đồng tín dụng để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 19 lần với số tiền tổng cộng là 113.697.180 đồng trong đó với Hợp đồng tín dụng số 8507215 trả số tiền 98.410.616 đồng gồm nợ gốc là 40.528.729 đồng, tiền lãi là 57.881.887 đồng; Hợp đồng tín dụng số 13044885 trả số tiền 10.660.822 đồng gồm nợ gốc là 3.775.635 đồng, tiền lãi là 6.885.187 đồng và Hợp đồng thẻ tín dụng Quốc tế số 239P343719 trả số tiền 4.625.742 đồng gồm nợ gốc là 1.210.365 đồng, tiền lãi là 3.415.377 đồng. Kể từ ngày 16/5/2018 bà V không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng TMCP V đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả một lần toàn bộ khoản nợ tới hạn đối với cả 03 hợp đồng là 406.204.281 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 236.484.993 đồng, tổng nợ lãi tính đến ngày xét xử là 169.719.288 đồng.

Trong bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V thừa nhận bà có ký 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V cụ thể: hợp đồng tín dụng số 8507215 giải ngân ngày 03/8/2016 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 24%/ năm; hợp đồng tín dụng số 13044885, giải ngân ngày 14/4/2017 vay số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 23,4 %/ năm và hợp đồng thẻ tín dụng Quốc tế số 239P343719, vay số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay

24%/ năm. Trong quá trình trả nợ vay, bà đã thanh toán nợ vay cho Ngân hàng V 19 lần với số tiền tổng cộng là 113.697.180 đồng. Sau đó, do kinh tế khó khăn nên bà không trả đầy đủ phân kỳ đã thỏa thuận như trong các hợp đồng. Nay Ngân hàng TMCP V kiện đòi số tiền 406.204.281 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 236.484.993 đồng, tổng nợ lãi tính đến ngày xét xử là 169.719.288 đồng bà V đồng ý trả, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Ngân hàng V tạo điều kiện cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị V hiện đang cư trú tại số 477 đường Ph, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị V có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8507215, giải ngân ngày 03/8/2016 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sử dụng vốn: vay vốn tiêu dùng, lãi suất vay 24%/ năm.

- Hợp đồng tín dụng số 13044885, giải ngân ngày 14/4/2017 vay số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sử dụng vốn: vay vốn tiêu dùng, lãi suất vay 23,4 %/ năm.

- Hợp đồng tín dụng Quốc tế số 239P343719, giải ngân 09/6/2017 vay số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay sử dụng vốn: vay vốn tiêu dùng, lãi suất vay 38 %/ năm.

Sau khi ký hợp đồng bà V đã nhận đủ tiền và trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà V đã trả cho Ngân hàng TMCP V 19 lần với số tiền tổng cộng là 113.697.180 đồng, từ ngày 16/5/2018 đến nay bà V không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng TMCP V. Như vậy, bà V đã vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng. Hiện bà V còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 406.204.281 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 236.484.993 đồng, tổng nợ lãi tính đến ngày xét xử là 169.719.288 đồng. Tại phiên tòa bà V xác nhận số nợ trên là đúng và đồng ý trả nên buộc bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 406.204.281 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 236.484.993 đồng, tổng nợ lãi tính đến ngày xét xử là 169.719.288 đồng là phù hợp với Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc bà V đề nghị được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ nhưng không được đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị V phải chịu là $[20.000.000\text{đồng} + (4\% \times 6.204.281\text{đồng})] = 20.248.171\text{đ}$ (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 7.923.000 đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005635 ngày 15/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị V về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ là 406.204.281đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm tám mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 236.484.993đồng, tổng nợ lãi tính đến ngày xét xử là 169.719.288đồng là phù hợp với Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23/5/2019 cho đến ngày bà V thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị V phải chịu là 20.248.171đ (Hai mươi triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi một đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 7.923.000 đ (Bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005635 ngày 15/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân*

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA quận Cẩm Lệ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ

